

HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ Ở CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

PHẠM CÔNG ĐỘ

Tuật quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 1/7/2007, một trong những nội dung cơ bản của Luật quản lý thuế là áp dụng cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp. Thực hiện cơ chế này, phương thức quản lý thuế được đổi mới căn bản, cơ quan thuế chuyển từ việc chủ yếu dùng quyền lực để quản lý sang chủ yếu hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế, với hai chức năng cơ bản là tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế và giám sát việc chấp hành luật thuế.

Thực hiện quản lý thuế theo mô hình chức năng, bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Kiểm tra, thanh tra thuế là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện, ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm của người nộp thuế (NNT). Nhận thức được vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bình Dương đã xem hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ngành thuế Bình Dương. Do vậy, việc tìm ra những giải pháp góp phần hoàn thiện hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế tỉnh Bình Dương càng quan trọng. Bài viết này sẽ đánh giá thực trạng hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế trong thời qua và đưa ra định hướng cùng một số giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

1. Thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế tỉnh Bình Dương

1.1 Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế

Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời đối tượng nộp thuế (ĐTNT) có hành vi vi phạm về gian lận thuế đồng thời từng bước nâng cao ý thức tuân thủ của doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật thuế, Tổng cục Thuế đã ban hành quy trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo

Quyết định số 1166/QĐ-TCT ngày 31/10/2005. Kể từ 1/1/2006, hoạt động thanh tra, kiểm tra ĐTNT được thực hiện thống nhất theo quy trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp ban hành nêu trên.

Quy trình được xây dựng theo hướng quy định rõ trình tự công việc phải thực hiện và phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể việc thực hiện các bước trong quy trình của các bộ phận, cá nhân trong bộ máy quản lý thu thuế của Cục Thuế và Chi cục thuế:

- Bước 1: Lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra năm
- Bước 2: Phân tích sâu doanh nghiệp (kiểm tra tại cơ quan thuế)
- Bước 3: Thanh tra cơ sở
- Bước 4: Báo cáo thực hiện kế hoạch và kết quả kiểm tra (KT), thanh tra (TT)

Năm 2006 là năm đầu tiên Cục thuế Bình Dương thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế theo phương thức quản lý rủi ro của quy trình 1166 ngày 31/10/2005. Qua thực tiễn áp dụng quy trình này tại Cục Thuế Bình Dương đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra, thanh tra thuế do hạn chế được tình trạng thông đồng giữa ĐTNT và cán bộ thuế, đồng thời phát hiện sai sót, vi phạm trong quá trình xử lý nghiệp vụ. Việc phân công, phân nhiệm rõ ràng cụ thể có tác dụng tạo nên sự chuyên môn hoá trong công việc và phù hợp với trình độ của từng cán bộ, tạo điều kiện cho việc kiểm tra và giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận.

1.2 Nội dung kiểm tra, thanh tra thuế

1.2.1 Kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế

Thực hiện quy trình 1166, hoạt động thanh tra, kiểm tra khoa học hơn nên giảm bớt các tài liệu mà DN phải cung cấp khi thực hiện thanh tra, kiểm tra do đã thực hiện phân tích hồ sơ, xác định phạm vi cần thanh tra, kiểm tra và nắm bắt thông tin về DN tại cơ quan thuế. Hiệu quả thanh tra, kiểm tra được nâng cao, qua thanh tra, kiểm tra thực tế cho thấy phần lớn các nội dung phân tích, đánh giá có nghi ngờ đều chính xác.

- Tăng cường giám sát, quản lý, điều hành việc tổ chức công tác thanh tra của lãnh đạo (qua nhật ký thanh tra, báo cáo phân tích hồ sơ trước thanh tra và báo cáo kết quả sau thanh tra).

- Qua công tác phân tích hồ sơ doanh nghiệp trước khi thực hiện kiểm tra, thanh tra tại cơ sở đã góp phần nâng cao trình độ của cán bộ kiểm tra, thanh tra, đòi hỏi các cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra phải nghiên cứu và nắm rõ các đặc điểm, phân tích rủi ro và định hướng được công việc phải thực hiện khi tiến hành thanh tra, kiểm tra thực tế tại cơ sở của ĐTNNT.

1.2.2 Kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở NNT

Năm 2006 là năm đầu tiên thực hiện cải cách công tác kiểm tra, thanh tra thuế trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin, lựa chọn các đơn vị có dấu hiệu gian lận thuế để tiến hành kiểm tra, vừa không gây phiền hà cho các doanh nghiệp có vi phạm, vừa tránh lãng phí nguồn lực của cơ quan thuế. Với phương pháp này, mặc dù từ năm 2006 đến năm 2008 số đối tượng kiểm tra thuế đều giảm so với năm 2005 nhưng số thuế truy thu đều tăng so với năm 2005.

Thời gian tiến hành một cuộc thanh tra tại đơn vị cũng đã được rút ngắn bởi công tác thanh tra đã tiến hành bước phân tích sâu hồ sơ doanh nghiệp tại cơ quan thuế. Khi tiến hành thanh tra, tập trung vào các dấu hiệu nghi vấn, tránh tình trạng kiểm tra, thanh tra dàn trải, gây mất thời gian cho đối tượng thanh tra. Đồng thời, việc áp dụng các công cụ hỗ trợ cho công tác thanh tra như công cụ tra cứu hoá đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, các phần mềm phân tích tài chính doanh nghiệp, các chương trình Excel tính toán số liệu đã rút ngắn thời gian thanh tra tại cơ sở kinh doanh xuống đáng kể.

Bước đầu xây dựng sổ tay nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế, hoàn thiện qui trình thanh tra, kiểm tra ĐTNNT đã chuẩn hoá các bước

thực hiện thanh tra tại cơ sở kinh doanh từ khâu phỏng vấn, quan sát, phân tích tổng hợp, phân tích chi tiết tài liệu, sổ sách kế toán của đơn vị đến khâu lập biên bản xác nhận số liệu đã giúp cho công tác thanh tra tại cơ sở được tiến hành theo một trình tự khoa học và hiệu quả.

Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT

Hoạt động kiểm tra thuế tại Cục Thuế Bình Dương được thực hiện chủ yếu theo 3 loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước, đầu tư nước ngoài và ngoài quốc doanh). Kết quả kiểm tra thuế như sau:

Bảng 1: Kết quả truy thu thuế hàng năm qua hoạt động kiểm tra thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu
DNNN	179	4.959	115	4.025	65	2.282	63	4.530
DN ĐTNNT	308	7.284	333	15.573	286	18.307	231	52.415
DN NQD	1.124	16.379	947	16.345	1.184	37.564	1.214	85.459
Cộng	1.611	28.622	1.395	35.943	1.535	58.153	1.508	142.404

Nguồn: Cục Thuế Bình Dương

Bảng 2: Kết quả truy thu bình quân trên 1 đơn vị qua hoạt động kiểm tra thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2005: Số thuế truy thu bq/1 đơn vị	Năm 2006: Số thuế truy thu bq/1 đơn vị	Năm 2007: Số thuế truy thu bq/1 đơn vị	Năm 2008: Số thuế truy thu bq/1 đơn vị
DNNN	28	35	35	72
DN ĐTNNT	24	47	64	227
DN NQD	15	17	32	70
Cộng	18	26	38	94

Nguồn: Cục Thuế Bình Dương

Qua hai bảng số liệu trên, nhận thấy số thuế truy thu qua kiểm tra thuế trong năm và số thuế truy thu bình quân/1 đơn vị đều tăng. Lĩnh vực đầu tư nước ngoài có số thuế truy thu bình quân/1 đơn vị cao nhất, lĩnh vực ngoài quốc doanh số truy thu bình quân/1 đơn vị thấp nhất.

Kết quả thanh tra thuế tại trụ sở NNT

Về hoạt động thanh tra thuế, Cục Thuế Bình Dương chú trọng thanh tra thuế đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài và ngoài quốc doanh, kết quả thanh tra như sau:

Bảng 3: Kết quả truy thu thuế hàng năm qua hoạt động thanh tra thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu	SL đơn vị	Số thuế truy thu
DTNN	33	15.901	51	6.536	27	4.093	20	2.231
NQD	482	10.089	640	7.151	821	10.482	204	14.324
Cộng	515	25.990	691	13.687	848	14.575	224	16.555

Nguồn: Cục Thuế Bình Dương

Bảng 4: Kết quả truy thu bình quân /1 đơn vị qua hoạt động thanh tra thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2005: Số thuế truy thu bq/1đơn vị	Năm 2006: Số thuế truy thu bq/1đơn vị	Năm 2007: Số thuế truy thu bq/1đơn vị	Năm 2008: Số thuế truy thu bq/1đơn vị
DTNN	482	128	152	112
NQD	21	11	13	70
Cộng	50	19,8	17	74

Nguồn: Cục Thuế Bình Dương

Số liệu từ Bảng 3 và Bảng 4 cho thấy từ năm 2005 đến năm 2008 số thuế truy thu qua hoạt động thanh tra không tăng đều qua các năm: năm 2008 số lượng đơn vị thanh tra thấp nhất, nhưng số thuế truy thu nhiều nhất: 16.555 triệu đ; năm 2007 số lượng đơn vị kiểm tra nhiều nhất 848 đơn vị nhưng số thuế truy thu bình quân/1 đơn vị thấp nhất 17 triệu đ/1 đơn vị, số thuế truy thu không tăng đều này chủ yếu là ở lĩnh vực ngoài quốc doanh.

1.3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra thuế

Trong mô hình quản lý thuế mới, ĐTNT tự căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ kê khai của mình và căn cứ vào các quy định pháp luật thuế tự kê khai, tự tính toán số thuế phải nộp, chủ động nộp thuế cho nhà nước theo đúng thời hạn quy định của pháp luật. Cơ quan thuế không can thiệp vào quá trình kê khai nộp thuế của ĐTNT trừ khi phát hiện sai sót, vi phạm hoặc các dấu hiệu không chấp hành luật thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn để ĐTNT hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của ĐTNT và thông qua công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi trốn thuế của ĐTNT. Trong cơ chế

quản lý thuế mới, chức năng kiểm tra, thanh tra thuế là chức năng trọng tâm của Cục Thuế Bình Dương. Lực lượng kiểm tra, thanh tra thuế đòi hỏi phải tăng cả về số lượng và chất lượng. Số lượng cán bộ thuế tham gia công tác kiểm tra, thanh tra sẽ tăng lên đáng kể, tổ chức các Phòng, Đội kiểm tra, thanh tra tại Cục Thuế, Chi cục thuế sẽ tăng lên, được quy định rộng hơn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra ĐTNT đã phân định rõ nhiệm vụ của cơ quan thanh tra thuế các cấp theo hướng: Thanh tra Tổng cục thuế tập trung nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, quy trình thanh tra, kiểm tra, hỗ trợ thanh tra ĐTNT tại các Cục Thuế có số lượng ĐTNT lớn và trực tiếp thanh tra các ĐTNT lớn, hoạt động kinh doanh phức tạp, có chi nhánh trên toàn quốc hoặc có các hoạt động giao dịch quốc tế. Kiểm tra, thanh tra Cục Thuế thực hiện kiểm tra, thanh tra ĐTNT theo địa bàn quản lý và hướng dẫn, chỉ đạo và hỗ trợ Thanh tra Chi cục thuế tổ chức hoạt động kiểm tra trên địa bàn. Cuối cùng, Thanh tra Chi cục thuế thực hiện kiểm tra, thanh tra ĐTNT theo địa bàn quản lý. Hoạt động thanh tra, kiểm tra ĐTNT được tổ chức tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Cơ cấu tổ chức kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục Thuế Bình Dương hiện nay: Tại văn phòng Cục thuế được phân theo loại hình doanh nghiệp và 1 phòng kiểm tra nội bộ; Tại 7 Chi cục thuế huyện, thị có các Đội kiểm tra thuế. Số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra từ năm 2006 đến năm 2008 được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5: Cơ cấu lực lượng kiểm tra, thanh tra thuế

TT	CHỈ TIÊU	CỤC THUẾ	CHI CỤC THUẾ	TỔNG CỘNG	CƠ CẤU THEO TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO
I	NĂM 2006	118	103	221	
	Trong đó:				
	- Trình độ ĐH, CĐ	115	45	160	72,40%
	- Trình độ TC	3	58	61	27,60%
	- Chưa qua đào tạo			0	
II	NĂM 2007	120	107	227	
	Trong đó:				
	- Trình độ ĐH, CĐ	120	58	178	78,41%
	- Trình độ TC		49	49	21,59%
	- Chưa qua đào tạo			0	
III	NĂM 2008	125	108	233	
	Trong đó:				
	- Trên ĐH	2		2	0,86%
	- Trình độ ĐH, CĐ	123	63	186	79,83%
	- Trình độ TC		45	45	19,31%
	- Chưa qua đào tạo			0	

Nguồn: Cục Thuế Bình Dương

Qua bảng số liệu thống kê cho thấy, lực lượng kiểm tra, thanh tra tăng về số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kiểm tra, thanh tra qua các năm. Số lượng cán bộ tăng từ 221 người năm 2006 lên 233 người năm 2008. Tính đến năm 2008 số lượng cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế tăng 2,64% so với năm 2007 và tăng 5,43% so với năm 2006.

Số cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao (từ đại học, cao đẳng trở lên) tăng qua các năm từ 72,40% năm 2006 đạt mức 79,83% năm 2008; số cán bộ có trình độ trung cấp giảm dần qua các năm từ 27,60% năm 2006 đạt 19,31% năm 2008; trình độ cao học từ 05 năm 2006 đạt 0,86% năm 2008.

Số cán bộ ở Chi cục thuế có trình độ trung cấp chiếm tỷ lệ cao từ 56,31% năm 2006 đạt 41,675

năm 2008. Số cán bộ ở cấp Cục thuế có trình độ chủ yếu từ cao đẳng trở lên chiếm tỷ trọng cao từ 97,46% năm 2006 đạt 100% năm 2008.

2. Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế

2.1. Những ưu điểm

Thực hiện quản lý thuế theo mô hình chức năng gắn với cơ chế tự khai, tự nộp, công tác kiểm tra, thanh tra thuế đã dần hoàn thiện, đó là kiểm tra, thanh tra thuế dựa trên kết quả phân tích, đánh giá, phân loại đối với từng cơ sở doanh nghiệp về mức độ thực hiện chính sách, chọn lọc để kiểm tra, thanh tra thuế đúng đối tượng, không tràn lan và không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt pháp luật thuế.

Thường xuyên quán triệt cho cán bộ thể hiện được vai trò trách nhiệm, nâng cao nhận thức về ý thức kỷ luật, chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Cán bộ công chức thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm, nâng cao đạo đức, phẩm chất, tác phong của cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế.

Thực hiện công tác phối hợp tốt với các cơ quan chức năng như công an, quản lý thị trường, thanh tra tỉnh trong công tác kiểm tra, thanh tra thuế các doanh nghiệp trốn thuế, mua, bán sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, gian lận thương mại.

Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thuế xử lý các vi phạm về thuế đã góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế; trước tiên là ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng thành lập "doanh nghiệp ma" để kinh doanh hóa đơn bất hợp pháp, kê khai khống một phần hoặc toàn bộ tiền hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt iền hoàn thuế của NSNN. Góp phần làm cho việc thực thi các luật và chính sách thuế đạt kết quả tốt hơn.

Qua hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế đã góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Cùng với các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ, công tác kiểm tra, thanh tra thuế góp phần nâng cao dần tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của người nộp thuế.

2.2. Những hạn chế

- Công tác xây dựng kế hoạch

+ Cơ sở dữ liệu về ĐTNT chưa đầy đủ, không đáp ứng được yêu cầu để áp dụng kỹ thuật xây

dựng kế hoạch thanh tra trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật...theo hướng dẫn của Tổng cục thuế.

+ Kết quả phân tích mới chỉ đáp ứng được các bước đánh giá cơ bản, không chi tiết và thiếu tính thuyết phục. Việc xây dựng kế hoạch thanh tra còn mang tính hình thức, chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm của cán bộ đảm nhiệm công tác xây dựng kế hoạch nhất là ở các cấp quản lý như Chi cục thuế các huyện, thị.

- Công tác phân tích sâu hồ sơ của doanh nghiệp tại cơ quan thuế.

Công tác phân tích sâu về doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm và trình độ của cán bộ thanh tra. Việc phân tích còn mang tính sơ sài, hình thức chưa đánh giá được các rủi ro tiềm ẩn của hồ sơ kiểm tra, thanh tra một cách hiệu quả.

- Công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại cơ sở NNT.

Chất lượng nhiều cuộc kiểm tra không cao, nội dung kiểm tra sơ sài; biên bản lập không đúng qui định; đặc biệt đối với các biên bản kiểm tra hộ kinh doanh tại các Chi cục thuế. Ở các Chi cục thuế số truy thu bình quân rất thấp chỉ đạt khoảng 9 triệu đồng/ĐTNT, nguyên nhân chủ yếu là do các cán bộ kiểm tra, thanh tra cấp Chi cục còn rất hạn chế về trình độ, quy trình thanh tra mới áp dụng nên còn lúng túng (trình độ trung cấp chiếm tỷ lệ cao từ 56,31% năm 2006 đạt 41,675 năm 2008). Khả năng phân tích rủi ro và đánh giá các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của đơn vị còn kém, chất lượng biên bản kiểm tra quyết toán thuế do đó còn nhiều hạn chế.

Khi tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở kinh doanh, các nghiệp vụ như thăm quan cơ sở kinh doanh, phỏng vấn chưa được đề cao và áp dụng một cách khoa học, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của cán bộ kiểm tra, thanh tra.

3. Những giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục Thuế Bình Dương

• **Giải pháp 1:** Hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế.

Công tác kiểm tra, thanh tra thuế phải dựa trên cơ sở các văn bản pháp luật, các quy định của nhà nước, hệ thống pháp luật hoàn thiện là cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác kiểm tra, thanh tra. Những bất cập trong chính sách thuế và các

văn bản pháp quy có liên quan cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế. Thực hiện chiến lược cải cách và hiện đại hoá ngành thuế, trong những năm tới, hệ thống pháp luật phải được thực hiện theo các hướng sau:

- Tổ chức triển khai tốt các Luật kế toán, Luật kiểm toán, Luật thanh tra, Luật khiếu nại, tố cáo...tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.

- Xây dựng các luật thuế đảm bảo tính hệ thống, thống nhất. Hệ thống thuế gồm nhiều sắc thuế, mỗi ĐTNT có thể phải nộp nhiều loại thuế khác nhau. Tuy mỗi loại thuế có yêu cầu quản lý khác nhau song chúng lại có những điểm chung, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, cần soát xét lại các quy định, thủ tục quản lý thuế của từng loại thuế để sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính thống nhất từ đăng ký thuế, thủ tục mua hoá đơn, kê khai thuế định kỳ hoặc hàng tháng, miễn giảm, ưu đãi thuế, hoàn thuế....đến các loại báo cáo, mẫu biểu kèm theo phải kê khai của từng loại thuế.

- Xây dựng quy trình và sổ tay nghiệp vụ thanh tra, điều tra ĐTNT

+ Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy trình thanh tra ĐTNT thuế trong cơ chế tự khai tự nộp, sử dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro.

+ Xây dựng các quy trình thanh tra ĐTNT ngoài cơ chế TKTN theo sắc thuế và theo loại ĐTNT phù hợp với từng cấp quản lý và chức năng nhiệm vụ của bộ phận thực hiện công tác thanh tra thuế.

+ Xây dựng các quy trình thanh tra ĐTNT đặc biệt: thanh tra trên máy tính, thanh tra chống chuyển giá, thanh tra các ĐTNT lớn.

+ Xây dựng quy trình điều tra trốn thuế.

+ Xây dựng các sổ tay nghiệp vụ thanh tra, điều tra ĐTNT chuyên sâu theo từng loại ĐTNT, sắc thuế và ngành nghề kinh doanh của ĐTNT.

• **Giải pháp 2:** Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm

Tiếp tục xây dựng các chỉ tiêu phân tích để xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm một cách khoa học, hợp lý dựa trên các tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro và tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNT, cân đối với với nguồn nhân lực của đội ngũ cán bộ thanh tra theo qui trình 1166.

Hoàn thiện công tác xây dựng kế hoạch thanh tra hình thành một chương trình thanh tra có hiệu quả mang lại nhiều số thu hơn và sự tuân thủ

tốt hơn của tất cả các đối tượng nộp thuế.

Trong xây dựng kế hoạch thanh tra, quan tâm tới phát triển các chương trình thanh tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực: Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra đối với các ĐTNT sử dụng các giao dịch điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử; xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra chống chuyển giá đối với các công ty đa quốc gia và các giao dịch quốc tế; xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra đối với các ĐTNT lớn.

• **Giải pháp 3:** Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về ĐTNT

Hệ thống cơ sở dữ liệu phải được hoàn thiện theo các hướng như sau:

- Tiến hành rà soát nghiên cứu cơ sở dữ liệu ĐTNT theo chuẩn mực quốc tế.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐTNT trên mạng nội bộ ngành thuế và kết nối với các cơ quan chức năng có liên quan.
- Điều tra, xác định nhu cầu thông tin và nguồn thông tin hiện có, có khả năng thu thập từ ngoài ngành thuế.
- Xác định yêu cầu nghiệp vụ về kho dữ liệu ĐTNT tập trung cho toàn ngành thuế.
- Ban hành quy chế về việc cung cấp và sử dụng cơ sở dữ liệu ĐTNT, cơ chế trao đổi thông tin với các ngành liên quan.
- Thực hiện phân quyền sử dụng và khai thác thông tin thuộc cơ sở ĐTNT đối với các chức năng, bộ phận trong ngành và cơ chế cung cấp thông tin đối với các đơn vị ngoài ngành thuế.

• **Giải pháp 4:** Xây dựng và triển khai thực hiện các kỹ năng kiểm tra, thanh tra thuế đối với từng trường hợp

Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng sử dụng thông tin kinh tế ngành trong kiểm tra, thanh tra thuế.

Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong kiểm tra, thanh tra thuế.

Hoàn thiện phương pháp kiểm tra, thanh tra trên cơ sở áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro để lựa chọn đúng ĐTNT cần thanh tra, kiểm tra, nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra thay thế cho phương pháp thủ công truyền thống chủ yếu dựa trên kinh nghiệm hiện tại.

Xây dựng mô hình phân tích rủi ro theo loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh và sắc thuế. Mô hình phân tích rủi ro phải dựa trên cơ sở phân tích báo cáo tài chính. Đây là hướng tiếp cận có tổ chức để lấy thông tin từ báo cáo tài chính để phù hợp với các quyết định cụ thể. Đối với cơ quan thuế là nhằm mục đích xác định rủi ro.

• **Giải pháp 5:** Đào tạo lực lượng cán bộ thanh tra thuế nhằm đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ

Về lực lượng cán bộ thanh tra cần phải thường xuyên đào tạo và đào tạo lại, nâng cao năng lực cán bộ thanh tra, chú trọng đào tạo theo từng kỹ năng chuyên sâu, kiến thức kế toán doanh nghiệp và khả năng sử dụng ứng dụng tin học trong việc phân tích, khai thác thông tin và quản lý thanh tra thuế.

Tăng cường lực lượng thanh tra viên thuế, đảm bảo lực lượng thanh tra thuế chiếm tối thiểu 30% tổng số cán bộ công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ thuế, nhưng ưu tiên phát triển lực lượng thanh tra thuế tại Cục thuế. Xây dựng cơ cấu tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng chuyên môn hoá như vậy sẽ tạo điều kiện nâng cao trình độ, chuyên sâu về nghiệp vụ, giảm bớt sự chồng chéo trong hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra ■

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thuế (2004), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý doanh nghiệp*.
2. Tổng cục Thuế (2005), *Quyết định số 1166/QĐ-TCT ngày 31/10/2005 về việc ban hành quy trình kiểm tra, thanh tra thuế doanh nghiệp*.
3. Glen Schmit (2005), *Chương trình đào tạo thanh tra theo cơ chế tự khai, tự nộp*.
4. Tổng cục Thuế, *Tài liệu tập huấn chương trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế đến năm 2010*.
5. Tổng cục Thuế (2008), *Tài liệu đào tạo nghiệp vụ thanh tra viên thuế*.
6. Cục Thuế tỉnh Bình Dương, *Báo cáo kết quả công tác thuế năm 2005, 2006, 2007, 2008*.
7. Cục Thuế tỉnh Bình Dương, *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra thuế năm 2005, 2006, 2007, 2008*.
8. Cục Thuế tỉnh Bình Dương, *Quy trình thanh tra thuế, kiểm tra thuế được xây dựng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000*.